

TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ, LAO ĐỘNG TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 1997 – 2016

ThS. Khổng Văn Thăng*

Tóm tắt:

Sau hơn 20 tái lập tỉnh nhất là 10 năm trở lại đây, do ảnh hưởng của công nghiệp hóa, dân số, lao động tỉnh Bắc Ninh có những biến động đáng kể về quy mô, gia tăng dân số và phân bố dân cư. Bài viết đề cập những tác động của công nghiệp hóa đến biến động dân số và lao động tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997 - 2016, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển dân số, lao động tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều cố gắng trong việc cải thiện môi trường thu hút vốn đầu tư để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ vậy mà quá trình công nghiệp hóa diễn ra mạnh mẽ. Quá trình này đã tác động không nhỏ đến dân số, lao động của tỉnh nhất là về quy mô, gia tăng dân số và phân bố dân cư. Vì vậy, nghiên cứu những tác động của công nghiệp hóa đến dân số, lao động của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997-2016 là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn trong việc định hướng, quy hoạch phát triển trong thời gian tới.

2. Công nghiệp hóa và tác động đến biến động dân số, lao động tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997-2016

2.1. Mức độ gia tăng công nghiệp hóa tỉnh Bắc Ninh

Trước khi tiến hành công nghiệp hóa, kinh tế tỉnh Bắc Ninh chủ yếu dựa vào nông

ng nghiệp và tiểu thủ công nghiệp như: Sản xuất đồ gốm, đồ gỗ mỹ nghệ, đúc đồng và sản xuất giấy... Sau khi tái lập tỉnh năm 1997, thực hiện công nghiệp hóa, kinh tế tỉnh Bắc Ninh đã có bước chuyển biến mạnh mẽ: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố (GRDP) tăng trưởng với tốc độ cao, bình quân giai đoạn 1997-2016 là 22,9%/năm, trong đó giai đoạn 1997-2005 đạt bình quân 17,1%/năm; đặc biệt bước vào giai đoạn 2005-2010 tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh đạt 40,6%/năm (xem Bảng 1).

Bảng 1 cho thấy quá trình công nghiệp hóa ở tỉnh Bắc Ninh tăng trưởng nhanh ở các ngành công nghiệp và dịch vụ; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có tốc độ tăng trưởng chậm hơn. Giai đoạn 2005-2010, tất cả các ngành đều có tốc độ tăng trưởng cao nhất (49,5% ngành công nghiệp và xây dựng; 39,8% ngành dịch vụ; và 16,9% ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản).

* Phó Cục trưởng, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

Bảng 1: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo giá hiện hành phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 1997- 2016

Chỉ tiêu	Năm				Tốc độ tăng BQ 2017 so với 1997 (%)
	1997	2005	2010	2016	
1. Tổng GRDP (tỷ đồng)	2.020	8.331	45.716	125.461	22,9
- Công nghiệp và xây dựng	480	3.825	28.562	93.252	30,1
- Dịch vụ	630	2.318	12.376	25.907	20,4
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	910	2.188	4.778	6.302	10,2
2. Tốc độ phát triển GRDP (%)	-	117,1	140,6	115,5	-
- Công nghiệp và xây dựng	-	125,9	149,5	118,4	-
- Dịch vụ	-	115,6	139,8	111,1	-
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	-	110,2	116,9	104,0	-

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2016

Cùng với tốc độ tăng GRDP và tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao, trong cơ cấu GRDP của tỉnh Bắc Ninh, công nghiệp cũng là ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất và liên tục tăng từ 23,8% năm 1997 lên đến 62,5% năm 2010 và 74,3% năm 2016. Ngược lại, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có tỉ trọng giảm dần từ 45% năm 1997 xuống 10,5% năm 2010 và giảm tiếp xuống còn 5% năm 2016.

Như vậy, trong cơ cấu nền kinh tế, công nghiệp là ngành có đóng góp lớn nhất vào giá trị và tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Có được kết quả đó là nhờ thời gian qua, chính sách thu hút đầu tư thông thoáng của nhà nước và của tỉnh nên khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tăng lên rất nhanh, tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực này từ 0,1% năm 1997 lên đến 89,6% năm 2016. Đặc biệt, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo công nghiệp

điện tử của tỉnh Bắc Ninh đã và đang là ngành đầu tàu của cả nước. Từ chỗ năm 1997 công nghiệp điện tử gần như không có gì thì đến năm 2016 đã chiếm đến 71,6% tổng giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp tương ứng 505.296 tỷ đồng. Ngược lại, công nghiệp trong nước lại liên tục giảm, từ 99,9% năm 1997 xuống 10,4% năm 2016 (xem Bảng 2).

Những đóng góp nêu trên nhất là khu vực FDI đã góp phần to lớn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Từ một tỉnh nông nghiệp là chủ yếu, Bắc Ninh trở thành một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc với tỉ trọng công nghiệp chiếm hơn 74,3% GRDP. Đến nay, toàn tỉnh đã có 15 khu công nghiệp tập trung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với tổng diện tích 8.520,7 ha, thu hút hơn 775 dự án FDI với tổng vốn đầu tư là 14,54 tỉ USD.

Bảng 2: Giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Bắc Ninh theo giá so sánh năm 2010 giai đoạn 1997-2016

Chỉ tiêu	1997	2005	2010	2016	Tăng BQ 2016 so với 1997	
					Lần	%
1. Giá trị sản xuất công nghiệp (tỷ đồng)	1.453	38.041	109.535	705.291	485,4	36.2
- Khu vực trong nước	1.452	32.258	41.295	73.659	50,7	21,7
- Khu vực FDI	1	5.783	68.240	631.632	109,2	95,0
Trong đó CN điện tử	0	286	53.280	505.296	1.766,8	7,3
2. Cơ cấu (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	-	-
- Công nghiệp trong nước	99,9	84,8	37,7	10,4	-	-
- Công nghiệp Vốn ĐTNN (FDI)	0,1	15,2	62,3	89,6	-	-
Trong đó CN điện tử	0	0,8	48,6	71,6	-	-

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh 2016

Các khu công nghiệp của tỉnh phần lớn tập trung ở các huyện: Yên Phong, Từ Sơn, Tiên Du, thành phố Bắc Ninh và Thuận Thành. Việc phát triển các khu công nghiệp đều có mặt ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố phía Bắc của tỉnh thể hiện sự phát triển công nghiệp của tỉnh theo đúng quy luật lan tỏa, từ cực công nghiệp phát triển truyền thống ra các địa phương xung quanh. Trong những năm gần đây, nhiều khu công nghiệp mới ở của tỉnh đã được hình thành và đi vào hoạt động làm cho tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở một số địa phương này tăng nhanh. Giai đoạn 2000-2016, ngoài huyện Tiên Du và Từ Sơn đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp khoảng từ 35-40%/năm, thì hai huyện Yên Phong và thành phố Bắc Ninh cũng bắt đầu có tốc độ tăng trưởng công nghiệp rất cao, lần lượt là 56,4% và 38,9%. Xu hướng phát triển công nghiệp đúng hướng là chuyển dịch về các

huyện phía Bắc.

2.2. Tác động của công nghiệp hóa đến biến động dân số, lao động tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997 - 2016

(1) Tác động đến quy mô và gia tăng dân số, lao động

Năm 2005 so với năm 1997, tỷ lệ tăng dân số của tỉnh Bắc Ninh chỉ chiếm 6,3% nhưng từ giai đoạn 2016 so với năm 2010 đã là 13,2%/năm điều này để nhận thấy khi mà quá trình công nghiệp hóa của tỉnh phát triển mạnh nên thu hút lực lượng lao động từ các tỉnh đến nhiều nên tỉ lệ gia tăng dân số cơ học cao. Cũng do quá trình phát triển công nghiệp hóa nhanh đã tác động đến dân số đô thị cũng tăng cao qua các năm, cụ thể năm từ 1997 dân số đô thị của Bắc Ninh chỉ chiếm 6,3% với tốc độ gia tăng hàng năm rất cao nên đến năm 2016 dân số đô thị của Bắc Ninh đã chiếm đến 28,7% (xem Bảng 3).

Bảng 3: Dân số và tỉ lệ gia tăng dân số, lao động tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997-2016

Chỉ tiêu	1997	2005	2010	2016
1. Dân số (người)	932.424	991.184	1.041.173	1.178.130
- Thành thị	58.524	133.644	269.373	337.720
- Nông thôn	873.900	857.540	771.800	840.410
- Tốc độ phát triển dân số (%)	-	106,3	105,0	113,2
2. Lực lượng lao động (người)	520.910	520.910	606.002	667.443
Thành thị	26.971	71.807	144.376	180.808
Nông thôn	493.939	512.957	461.626	486.635
3. Lao động đang làm việc (người)	504.365	563.219	593.114	651.244
- <i>Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	431.590	356.300	281.463	138.560
Công nghiệp và xây dựng	39.976	131.712	197.551	315.486
Dịch vụ	32.799	75.207	114.100	197.198
- <i>Phân theo loại hình</i>				
Nhà nước	23.638	34.098	33.267	39.256
Ngoài nhà nước	480.545	523.009	518.173	447.724
Vốn ĐTNN (FDI)	182	6.112	41.674	164.264

Nguồn: Tính toán của tác giả từ Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh

Tương ứng số dân số đô thị tăng cao cũng làm cho lao động thành thị tăng rất mạnh, cụ thể, năm 1997 lao động khu vực thành thị chiếm 5,18%, đến năm 2016 đã tăng lên 27,09% lực lượng lao động. Đặc biệt, ngành Công nghiệp và xây dựng năm 1997 có 7,9% lực lượng lao động đang làm việc nhưng đến năm 2016 đã tăng lên 48,4%, chiếm gần 1 nửa lực lượng lao động. Đóng góp vào thành tựu này không thể không kể đến khu vực FDI, đây chính là tác nhân làm cho lượng lao động ở khu vực

Công nghiệp và xây dựng tăng cao, nếu như năm 1997 khu vực vốn FDI chỉ chiếm 0,04% thì đến năm 2016 chiếm đến 25,2%.

(2) Tác động đến phân bố dân cư, mật độ dân số

Giai đoạn 1997 - 2016, mật độ dân số tỉnh Bắc Ninh tăng cao và phân bố không đều giữa các huyện, thị, thành. Dân số tập trung chủ yếu ở các huyện, thị, thành phía Nam của tỉnh là thành phố Bắc Ninh, Thị xã Từ Sơn, huyện Yên Phong, Huyện Quế Võ và Huyện Tiên Du còn ba huyện phía Bắc là

Thuận Thành, Gia Bình và Lương Tài dân số có xu hướng tăng chậm hơn. Nguyên nhân chính là do tác động của quá trình công

nh nghiệp hóa. Điều này được phản ánh rõ qua mật độ dân số của các địa phương trong tỉnh (xem Bảng 4).

Bảng 4: Dân số và mật độ dân số tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 1997-2016

Đơn vị hành chính	Năm 1997			Năm 2016		
	Diện tích (km ²)	Dân số trung bình (Người)	Mật độ dân số (Người/km ²)	Diện tích (km ²)	Dân số trung bình (Người)	Mật độ dân số (Người/km ²)
Toàn tỉnh	822.7	932.424	1133,4	822.7	1.178.130	1.432,0
Thành phố Bắc Ninh	26.3	71.664	2.720,2	82.6	193.269	2.339,8
Huyện Yên Phong	117.3	135.022	1.150,7	96.9	161.314	1.664,7
Huyện Quế Võ	177.9	147.257	827,6	154.8	157.480	1.017,3
Huyện Tiên Du	169.7	238.145	1.403,1	95.7	143.071	1.495,0
Thị xã Từ Sơn				61.3	165.914	2.706,6
Huyện Thuận Thành	117.9	137.005	1.161,9	117.9	160.064	1.357,6
Huyện Gia Bình	213.5	203.331	952,5	107.8	95.912	889,7
Huyện Lương Tài				105.7	101.106	956,5

Nguồn: Cục Thống kê Bắc Ninh - Tờ gấp Bắc Ninh 20 xây dựng và phát triển

Qua Bảng 4 cho thấy cùng với sự gia tăng nhanh chóng của quy mô dân số do nhập cư, trong giai đoạn 1997 - 2016, mật độ dân số của tỉnh không ngừng tăng. Năm 1997, mật độ dân số toàn tỉnh là 1.133,4 người/km², nhưng đến 2016 đã tăng lên 1.432 người/km², tăng 26,% so với năm 1997. Về tốc độ tăng mật độ dân số, trong giai đoạn 1997 - 2016, tỉ lệ tăng mật độ dân số trung bình khá cao, khoảng 6,91%/năm, xấp xỉ tỉ lệ gia tăng dân số trong cùng giai đoạn (6,68%/năm). Mật độ dân số theo địa phương cũng có sự khác nhau rõ rệt. Năm 2016, Thành phố Bắc Ninh và TX Từ Sơn có mật độ dân số cao nhất (trên 2000 người/km²).

Như vậy, quá trình công nghiệp hóa của tỉnh Bắc Ninh đã chi phối rất lớn đến biến động dân số và nguồn lao động tỉnh Bắc Ninh từ 1997 đến nay. Sự phát triển công nghiệp mạnh mẽ ở các huyện như: Yên Phong, TP Bắc Ninh và TX. Từ Sơn... Điều này đã làm cho các địa phương có tốc độ gia tăng dân số, lao động rất nhanh mà chủ yếu là gia tăng cơ học. Mật độ dân số theo đó cũng không ngừng tăng lên. Sự gia tăng dân số, lao động quá nhanh ở các địa phương này cũng gây ra nhiều vấn đề về môi trường, xã hội như: Giải quyết việc làm, nhà ở, an ninh trật tự xã hội, ô nhiễm môi trường... Trong khi đó, ở ba huyện Thuận Thành, Gia Bình và Lương Tài kinh tế chính vẫn là nông

➤➤➤ THÔNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

ngiệp chiếm chủ yếu nên gia tăng dân tập trung vẫn là gia tăng tự nhiên là chính nên biến động dân số không đáng kể.

3. Giải pháp phát triển dân số, lao động tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới

Từ thực tiễn nêu trên, tỉnh Bắc Ninh cần có những giải pháp phù hợp để hạn chế những khuyết điểm và phát huy ưu điểm trong quá trình công nghiệp hóa tác động đến dân số, lao động, cụ thể là:

- Cần có chính sách thu hút người lao động phù hợp để hạn chế việc nhập cư ồ ạt nhưng vẫn đảm bảo nguồn lao động đáp ứng cho nhu cầu phát triển công nghiệp hiện nay và trong tương lai. Bên cạnh đó, tỉnh cần tiếp tục phát huy những chính sách đãi ngộ để thu hút nguồn lao động chất lượng cao từ các địa phương khác.

- Tại các Khu công nghiệp tập trung cần phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng văn hóa xã hội như: Nhà ở cho công nhân thuê, trường học cho con em công nhân và các trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, nhà thi đấu thể thao, sân vận động, công viên cây xanh... Đặc biệt là tăng cường công tác quản lý hộ khẩu, nhân khẩu để đảm bảo an ninh chính trị và xử lý tốt vấn đề ô nhiễm môi trường, có như vậy việc công nghiệp hóa mới bền vững.

- Cần chú ý vấn đề quy hoạch, phân bố dân cư và phát triển kinh tế phù hợp nhằm cân đối dân số, lao động giữa các địa phương. Cụ thể là tiếp tục phát triển mạnh về công nghiệp ở các địa phương phía Nam nhằm giảm áp lực về dân số cho các địa phương phía Bắc của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng dân số bằng cách chú trọng phát triển về y tế, giáo dục; đảm bảo hệ thống bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân; khống chế các bệnh dịch, hạn chế các bệnh do phát triển công nghiệp, chủ động phòng chống AIDS; cải thiện môi trường sống; xây dựng gia đình quy mô nhỏ từ 1 - 2 con.

4. Kết luận

Dân số, lao động là nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trải qua gần 20 năm tái lập tỉnh và tiến hành công nghiệp hóa, dân số Bắc Ninh đã có những biến động đáng lưu ý. Vì vậy, tỉnh cần chú trọng đến vấn đề gia tăng dân số, phân bố dân cư, giải quyết việc làm, nâng cao hơn nữa chất lượng dân số, thu hút có chọn lọc nguồn lao động nhập cư để đạt được những mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị mà tỉnh đã đề ra./.

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2016), *Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh từ năm 1997-2016*;
2. Cục Thống kê Bắc Ninh (2017), *Tờ gấp Bắc Ninh 20 xây dựng và phát triển*;
3. Khổng Văn Thắng (2013), 'Để phát triển bền vững các Khu công nghiệp tập trung tỉnh Bắc Ninh', *Tạp chí lý luận chính trị, Học Viện chính trị - hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Số 9/2013*, Tr 57-60.
4. Khổng Văn Thắng (2017), 'Giải pháp phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh', *Thông tin Khoa học Thống kê, Số 1/2017*, Tr 45-50.